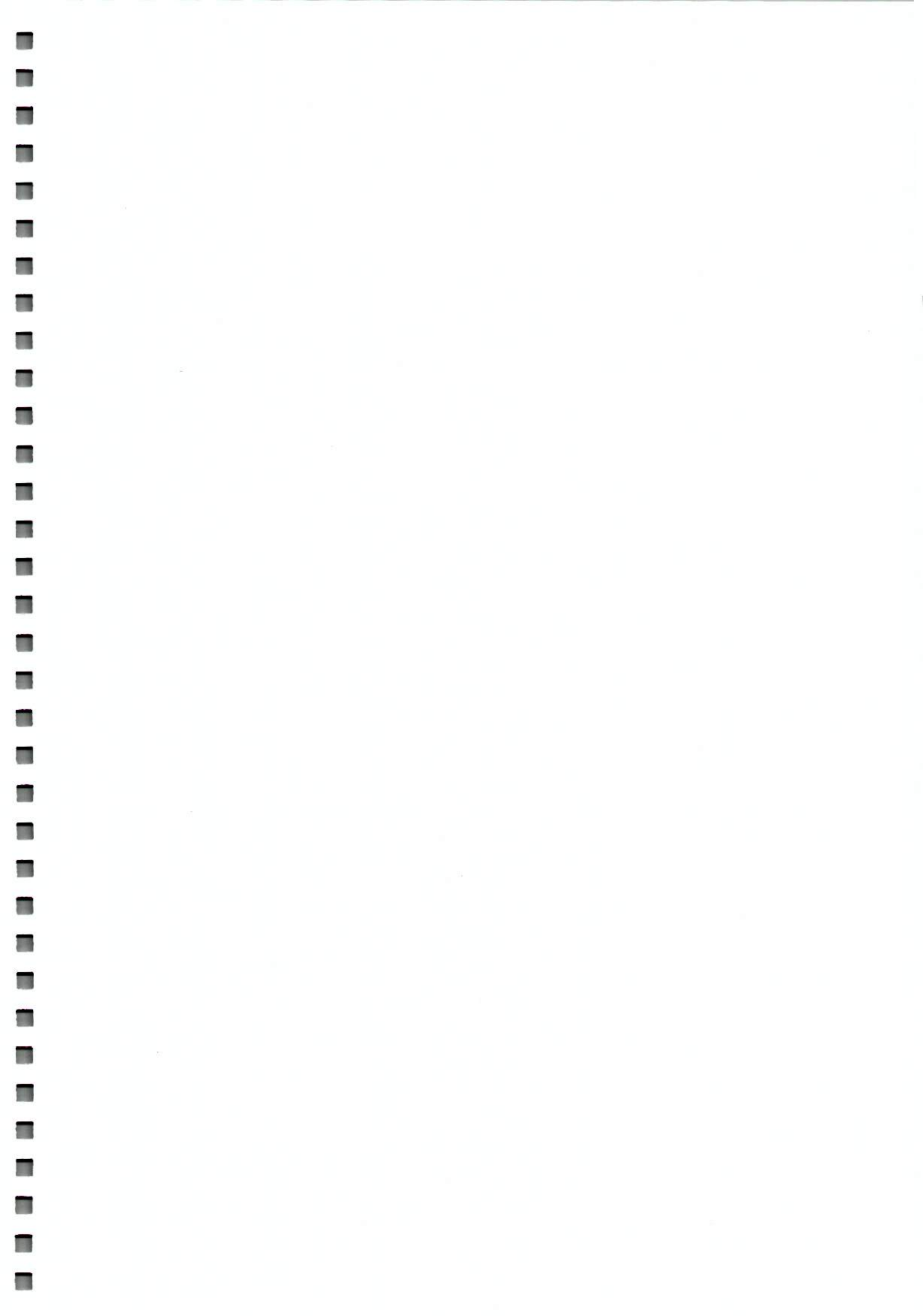


**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẮN HÀNG
KHÔNG NỘI BÀI**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

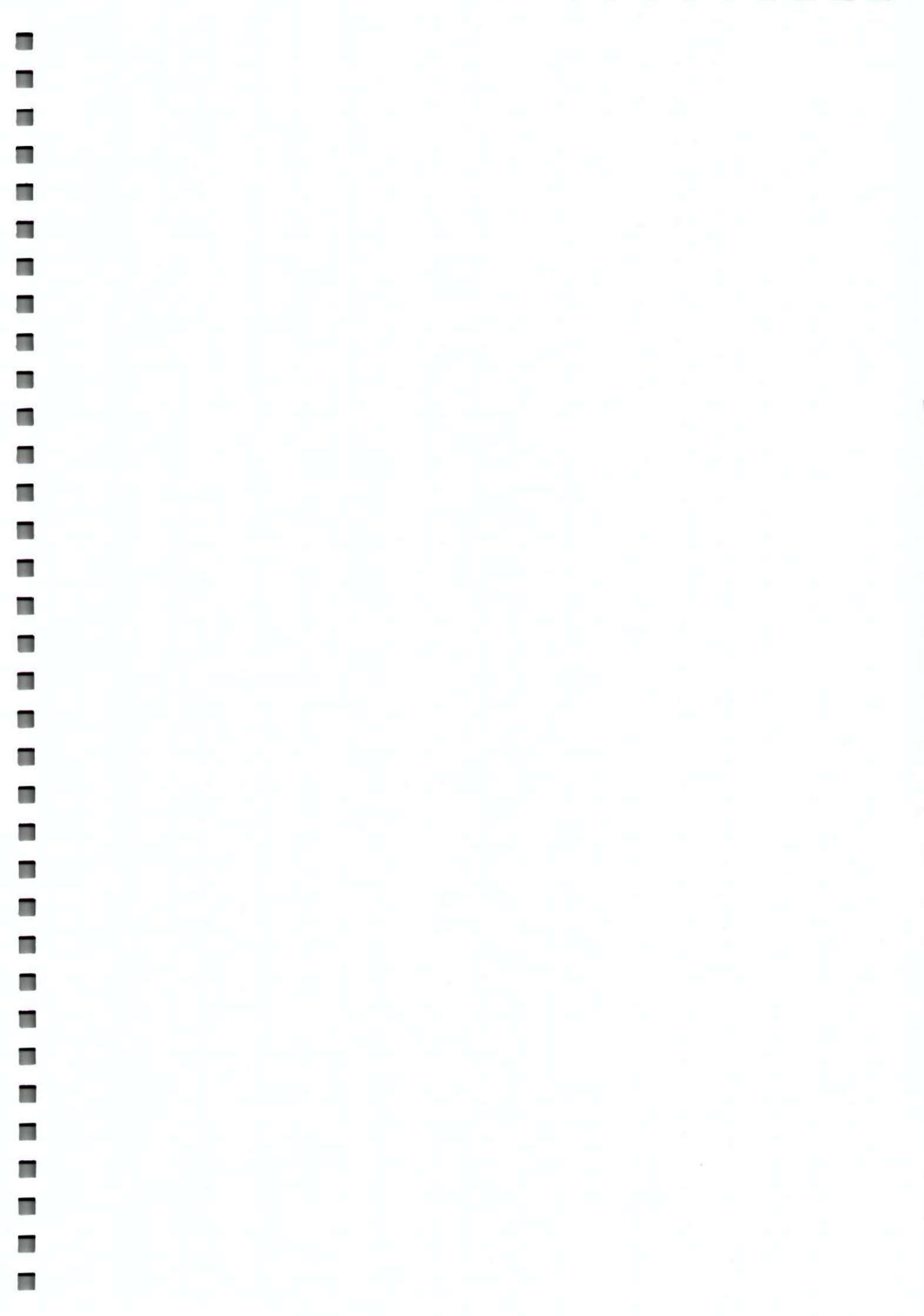
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 35



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Ngọc Vui	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 21/4/2016)
Ông Đặng Anh Tuấn	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 21/4/2016)
Ông Đặng Ngọc Cường	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21/4/2016)
Ông Trần Thanh Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên	
Ông Phạm Ngọc Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Tùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21/4/2016)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Võ Đức Hiếu	Trưởng ban
Ông Vũ Mạnh Phú	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Bà Vương Thị Phúc Minh	Phó Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm ngày 7/03/2016)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



1992

1993

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẨM HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh,
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

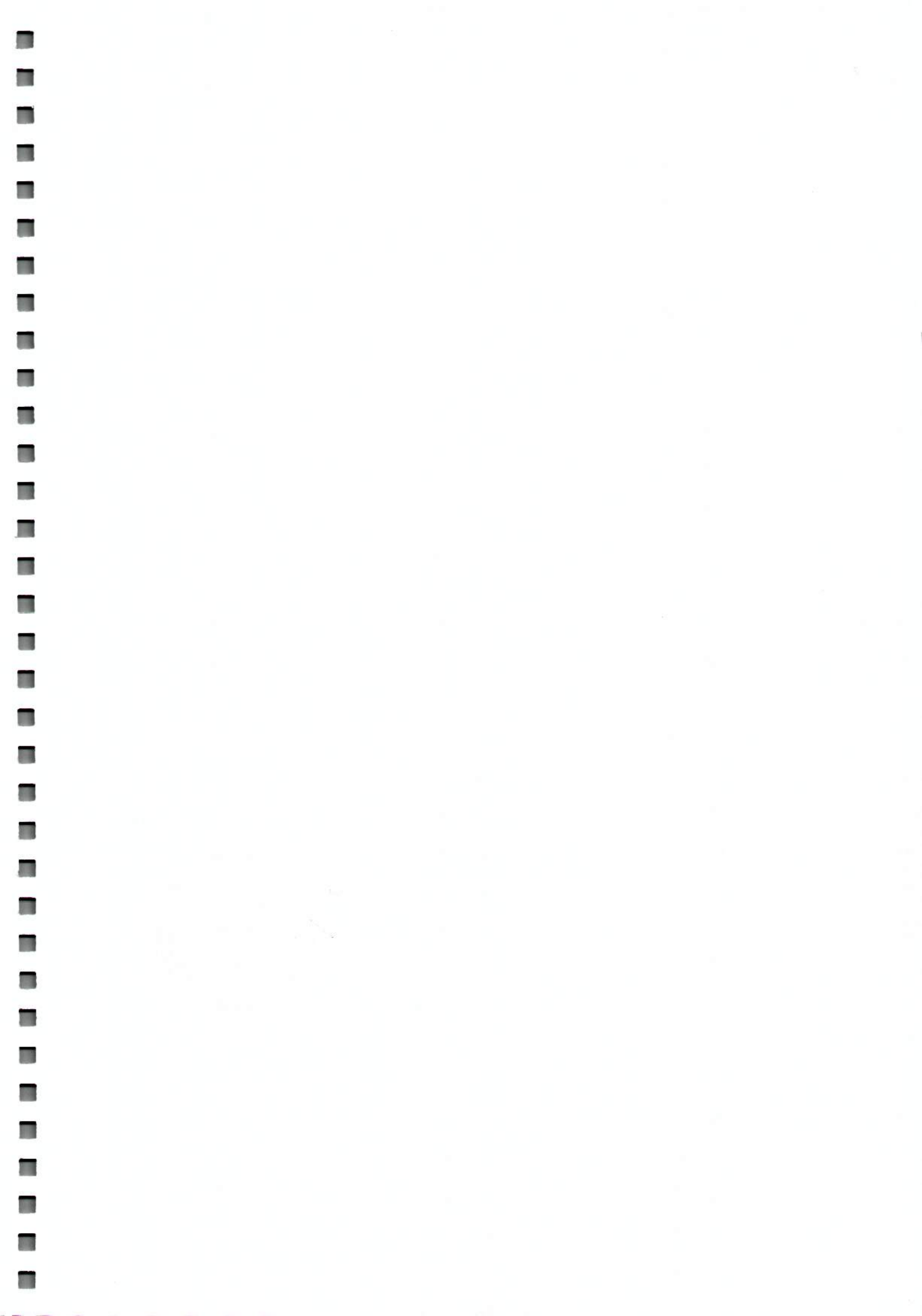
Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, ✓



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2017



Số: 06/2017/RSMHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài***Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài****Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thành Lâm
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0299-2016-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Hoàng Thị Vinh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1678-2016-026-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		176.294.710.187	153.778.128.505
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	92.008.370.799	72.983.871.210
1. Tiền	111		42.405.398.460	32.983.871.210
2. Các khoản tương đương tiền	112		49.602.972.339	40.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73.455.108.839	72.130.103.144
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	53.738.123.326	68.764.378.189
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	20.166.672.127	3.943.979.860
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	753.998.339	625.430.048
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(1.203.684.953)	(1.203.684.953)
III. Hàng tồn kho	140	4.6	10.498.867.247	8.664.154.151
1. Hàng tồn kho	141		10.498.867.247	8.664.154.151
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		332.363.302	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.11	332.363.302	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.091.631.743	38.894.017.080
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.891.600.000	120.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	1.891.600.000	120.000.000
II. Tài sản cố định	220		30.482.407.545	35.210.949.444
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	30.290.852.523	34.322.691.090
Nguyên giá	222		129.960.038.537	124.713.697.628
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.669.186.014)	(90.391.006.538)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	191.555.022	888.258.354
Nguyên giá	228		2.852.240.000	2.852.240.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.660.684.978)	(1.963.981.646)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.371.506.654	3.428.026.499
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	23.371.506.654	3.428.026.499
IV. Tài sản dài hạn khác	260		346.117.544	135.041.137
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		346.117.544	135.041.137
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		232.386.341.930	192.672.145.585

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		67.994.020.304	65.652.186.421
I. Nợ ngắn hạn	310		67.994.020.304	65.652.186.421
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	25.955.279.932	24.536.831.947
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	4.817.794.054	6.949.429.279
3. Phải trả người lao động	314	4.12	25.932.508.151	22.488.118.689
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		480.803.162	695.310.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		109.946.802	3.514.052.848
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.13	10.697.688.203	7.468.443.658
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		164.392.321.626	127.019.959.164
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	164.392.321.626	127.019.959.164
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.803.340.000	79.999.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.803.340.000	79.999.750.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(8.880.000)	(8.880.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.597.861.626	47.029.089.164
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.976.611.147	7.858.298.087
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		36.621.250.479	39.170.791.077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		232.386.341.930	192.672.145.585



Trần Thanh Sơn
 Tổng Giám đốc
 Ngày 27 tháng 02 năm 2017

Phạm Ngọc Long
 Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	545.993.126.408	476.359.682.155
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	13.011.741.049	9.966.801.298
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		532.981.385.359	466.392.880.857
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	425.853.071.147	372.842.859.371
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		107.128.314.212	93.550.021.486
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	2.851.618.299	2.911.625.352
7. Chi phí tài chính	22		210.061.477	212.253.607
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	6.104.215.489	4.209.546.162
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	19.384.096.574	16.975.360.658
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		84.281.558.971	75.064.486.411
11. Thu nhập khác	31		374.042.805	2.984.336.808
12. Chi phí khác	32		-	7.118.934
13. Lợi nhuận khác	40		374.042.805	2.977.217.874
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		84.655.601.776	78.041.704.285
15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	17.023.922.355	17.308.358.143
16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		67.631.679.421	60.733.346.142
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	7.478	6.909



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 02 năm 2017

Phạm Ngọc Long
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.7	84.655.601.776	78.041.704.285
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.8	9.974.882.808	10.973.540.696
- (Lãi)/lỗ chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(189.976.928)	20.531.841
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(1.686.360.838)	(3.703.189.383)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		92.754.146.818	85.332.587.439
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09		11.541.342.900	(37.149.553.766)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(1.834.713.096)	413.343.638
- Tăng các khoản phải trả	11		2.174.809.042	6.825.979.102
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(211.076.407)	783.491.127
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.7	(20.086.142.059)	(13.224.630.954)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.259.762.614)	(250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		80.078.604.584	42.731.216.586
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(40.241.416.100)	(7.709.715.227)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TSDH khác	22		-	2.654.553.590
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.951.676.796	1.168.550.589
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(38.289.739.304)	(3.886.611.048)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	4.14	39.803.590.000	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(62.573.899.800)	(28.815.669.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.770.309.800)	(28.815.669.175)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		19.018.555.480	10.028.936.363
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	72.983.871.210	62.947.141.620
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.944.109	7.793.227
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	92.008.370.799	72.983.871.210



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 02 năm 2017

Phạm Ngọc Long
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 983/QĐ-BGTVT ngày 15/4/2004 của Bộ Giao thông Vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004824 ngày 07/7/2004 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần 18 ngày 19/4/2016.

Ngày 16/6/2010, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 134/2010/GCNCP-VSD. Theo đó, Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã Chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 16/6/2010 với tên chứng khoán là Cổ phiếu Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài, mã chứng khoán NCS.

Ngày 12/11/2015, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là NCS theo Quyết định số 749/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất là 80.000.000.000 VND, chia thành 8.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP chiếm 60% vốn điều lệ và các cổ đông khác nắm giữ 40% vốn điều lệ.

Công ty có trụ sở chính tại sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 663 người (tại ngày 31/12/2015 là 594 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến suất ăn phục vụ: Hành khách của hãng hàng không, các chuyến bay chuyên cơ;
- Dịch vụ ăn uống khác: Cung cấp suất ăn và dịch vụ cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không. Cung cấp dịch vụ liên quan đến quá trình sản xuất, cung ứng suất ăn;
- Buôn bán đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn và bán buôn đồ uống không có cồn;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp để chế biến suất ăn; và
- Sản xuất các loại bánh từ bột.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2.3 Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 21/3/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	Năm 2016 (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-08
Máy móc, thiết bị	03-07
Phương tiện vận tải	03-08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.9 Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.10 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.11 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí quảng cáo, chăm sóc khách hàng, phí nhượng quyền khai thác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, chi phí trang phục của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...) và các chi phí bằng tiền khác.

3.12 Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Theo đó, các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.14 Thuế**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Năm 2016, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 Thuế (Tiếp)

▪ Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các chuyến bay quốc tế	0%
▪ Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các chuyến bay quốc nội	10%
▪ Các dịch vụ khác	10%

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	184.680.500	91.710.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.220.717.960	32.892.161.210
Các khoản tương đương tiền (i)	49.602.972.339	40.000.000.000
Cộng	92.008.370.799	72.983.871.210

(i): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại một số ngân hàng mà Công ty đang giao dịch.

4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu từ các bên liên quan	18.466.621.795	45.501.265.474
<i>Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP</i>	<i>17.275.228.303</i>	<i>45.012.739.428</i>
<i>Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific</i>	<i>514.308.611</i>	<i>488.526.046</i>
<i>Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài</i>	<i>474.650.000</i>	-
<i>Công ty Bay Dịch vụ Hàng không</i>	<i>202.434.881</i>	-
Các khoản phải thu bên thứ ba	35.271.501.531	23.263.112.715
<i>Korean Air</i>	<i>3.855.035.539</i>	<i>3.156.884.192</i>
<i>Asiana Airlines</i>	<i>4.027.232.010</i>	<i>3.899.864.864</i>
<i>Công ty Cổ phần Hàng không VietJet</i>	<i>4.477.820.041</i>	<i>1.174.173.952</i>
<i>Nippon Airways</i>	<i>4.357.783.472</i>	<i>2.023.002.464</i>
<i>Công ty khác</i>	<i>18.553.630.469</i>	<i>13.009.187.243</i>
Cộng	53.738.123.326	68.764.378.189

4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Trả trước cho các bên liên quan	-	1.856.428.860
<i>Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không</i>	-	<i>1.856.428.860</i>
Trả trước cho bên thứ ba	20.166.672.127	2.087.551.000
<i>Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP</i>	<i>15.076.600.000</i>	-
<i>Công ty CP Cung cấp Thiết bị Dịch vụ Hàng không</i>	<i>3.240.262.500</i>	-
<i>Nhà cung cấp khác</i>	<i>1.849.809.627</i>	<i>2.087.551.000</i>
Cộng	20.166.672.127	3.943.979.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.4 Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
Phải thu bên thứ ba	753.998.339	625.430.048
<i>Phải thu người lao động</i>	534.463.252	190.187.782
<i>Tạm ứng</i>	127.839.934	51.970.601
<i>Lãi tiền gửi</i>	91.695.153	357.011.111
<i>Phải thu khác</i>	-	26.260.554
Cộng	753.998.339	625.430.048
Dài hạn		
Phải thu bên thứ ba	1.891.600.000	120.000.000
<i>Ký cược, ký quỹ</i>	1.891.600.000	120.000.000
Cộng	1.891.600.000	120.000.000

4.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
<i>Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương</i>	1.203.684.953	1.203.684.953
Cộng	1.203.684.953	1.203.684.953

Đây là khoản phải thu đã quá hạn 3 năm, Ban Giám đốc đánh giá không có khả năng thu hồi và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% các năm trước theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4.6 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.398.612.039	7.835.808.076
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.100.255.208	828.346.075
Cộng	10.498.867.247	8.664.154.151

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẮN HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.7 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	23.840.219.027	32.273.771.778	37.779.609.954	30.820.096.869	124.713.697.628
Mua sắm mới	-	195.090.909	4.451.250.000	600.000.000	5.246.340.909
Tại ngày 31/12/2016	23.840.219.027	32.468.862.687	42.230.859.954	31.420.096.869	129.960.038.537
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	17.576.789.063	19.335.440.693	26.852.854.979	26.625.921.803	90.391.006.538
Khấu hao	1.232.150.148	3.209.443.972	3.383.458.848	1.453.126.508	9.278.179.476
Tại ngày 31/12/2016	18.808.939.211	22.544.884.665	30.236.313.827	28.079.048.311	99.669.186.014
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	6.263.429.964	12.938.331.085	10.926.754.975	4.194.175.066	34.322.691.090
Tại ngày 31/12/2016	5.031.279.816	9.923.978.022	11.994.546.127	3.341.048.558	30.290.852.523

Tại ngày 31/12/2016, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 64.159.792.328 VND (tại ngày 31/12/2015 là 62.931.612.276 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.8 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2016	2.852.240.000	2.852.240.000
Tại ngày 31/12/2016	2.852.240.000	2.852.240.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2016	1.963.981.646	1.963.981.646
Khấu hao	696.703.332	696.703.332
Tại ngày 31/12/2016	2.660.684.978	2.660.684.978
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2016	888.258.354	888.258.354
Tại ngày 31/12/2016	191.555.022	191.555.022

Tại ngày 31/12/2016, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 214.630.000 VND (Tại ngày 31/12/2015 là 214.630.000 VND).

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đây là dự án đầu tư xây dựng "Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài" đã được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt theo Quyết định số 03/QĐ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2016. Theo đó, Công ty sẽ làm chủ đầu tư và dự án có tổng mức đầu tư là 685.541.927.000 VND được đầu tư bằng nguồn vốn chủ sở hữu và vốn huy động khác, trong đó chia làm hai giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1 (đến năm 2025): 477.349.160.000 VND; và
- Giai đoạn 2 (đến năm 2035): 208.192.767.000 VND.

Đến ngày 31/12/2016, dự án cơ bản đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng và bắt đầu triển khai các hạng mục liên quan. Tập hợp chi phí dự án "Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài" như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Phát sinh trong năm VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Lập dự án đầu tư xây dựng	3.912.593.969	679.434.742	3.233.159.227
Giải phóng mặt bằng, giao và nhận đất	11.064.397.777	11.064.397.777	-
Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán chi tiết	6.800.000.000	6.800.000.000	-
Thẩm tra, thẩm định và phê duyệt	974.070.576	918.976.031	55.094.545
Chi phí mời thầu và dự thầu	445.177.272	305.404.545	139.772.727
Chi phí khác	175.267.060	175.267.060	-
Cộng	23.371.506.654	19.943.480.155	3.428.026.499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả bên liên quan	443.963.237	387.699.544
<i>Công ty Cổ phần DV Hàng không Sân bay Nội Bài</i>	443.963.237	371.688.585
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài</i>	-	16.010.959
Phải trả người bán bên thứ ba	25.511.316.695	24.149.132.403
<i>Công ty TNHH Thực phẩm Cao cấp</i>	2.663.806.900	2.195.817.250
<i>Công ty TNHH Hoàng Lộc</i>	2.861.208.216	2.316.931.200
<i>Công ty TNHH Thiên Sơn</i>	2.997.907.170	2.389.330.574
<i>Công ty khác</i>	16.988.394.409	17.247.053.379
Cộng	25.955.279.932	24.536.831.947

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẨM HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.11 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016		Trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	VND		VND		VND	
	Số dư		Tăng	Hoàn/khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	-		21.235.499.577	20.903.136.275	332.363.302	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	125.097.250	34.048.908.080	34.174.005.331	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.450.320.388	17.023.922.355	20.086.142.059	-	3.388.100.684
Thuế thu nhập cá nhân	-	374.011.641	2.737.585.230	1.681.903.501	-	1.429.693.370
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	6.949.429.279	53.813.415.666	55.945.050.891	-	4.817.794.054

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.12 Phải trả người lao động**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Quỹ tiền lương còn lại	21.207.416.016	19.862.043.689
Tiền thưởng an toàn hàng không	4.725.092.135	2.626.075.000
Cộng	25.932.508.151	22.488.118.689

4.13 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.447.688.203	7.218.443.658
Quỹ thưởng ban điều hành công ty	250.000.000	250.000.000
Cộng	10.697.688.203	7.468.443.658

Trong năm 2016, Công ty thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 6.763.167.942 VND và quỹ thưởng ban điều hành công ty 250.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.14 Vốn chủ sở hữu****4.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	50.000.000.000	(7.900.000)	7.272.800.529	5.000.000.000	41.733.407.102	103.998.307.631
Góp vốn trong năm	30.000.000.000	-	(7.272.800.529)	(5.000.000.000)	(17.727.199.471)	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	78.041.704.285	78.041.704.285
Thuế TNDN phải nộp	-	-	-	-	(17.308.358.143)	(17.308.358.143)
Trả cổ tức năm 2014	-	-	-	-	(16.198.151.175)	(16.198.151.175)
Tạm chia cổ tức 2015	-	-	-	-	(12.617.518.000)	(12.617.518.000)
Thưởng ban điều hành 2015	-	-	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Điều chỉnh tiền thưởng BĐH 2014	-	-	-	-	50.000.000	50.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.754.256.565)	(5.754.256.565)
Trích thưởng hoàn thành kế hoạch	-	-	-	-	(2.940.780.500)	(2.940.780.500)
Giảm khác	(250.000)	(980.000)	-	-	241.631	(988.369)
Tại ngày 31/12/2015	79.999.750.000	(8.880.000)	-	-	47.029.089.164	127.019.959.164
Tại ngày 01/01/2016	79.999.750.000	(8.880.000)	-	-	47.029.089.164	127.019.959.164
Góp vốn trong năm (i)	39.803.590.000	-	-	-	-	39.803.590.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	84.655.601.776	84.655.601.776
Thuế TNDN phải nộp	-	-	-	-	(17.023.922.355)	(17.023.922.355)
Trả cổ tức năm 2015 (ii)	-	-	-	-	(38.576.638.800)	(38.576.638.800)
Tạm chia cổ tức 2016 (iii)	-	-	-	-	(23.997.261.000)	(23.997.261.000)
Thưởng ban điều hành 2016 (iv)	-	-	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2016 (iv)	-	-	-	-	(6.763.167.942)	(6.763.167.942)
Điều chỉnh tiền thưởng BĐH 2015 (ii)	-	-	-	-	5.000.000	5.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi 2015 (ii)	-	-	-	-	(319.078.050)	(319.078.050)
Điều chỉnh thưởng hoàn thành kế hoạch 2015 (ii)	-	-	-	-	(161.761.167)	(161.761.167)
Tại ngày 31/12/2016	119.803.340.000	(8.880.000)	-	-	44.597.861.626	164.392.321.626

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.14 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp)

(i): Trong tháng 12/2016, Công ty đã thực hiện ghi nhận tăng vốn trong năm theo kết quả phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu dựa theo các căn cứ pháp lý sau:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/NQ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2016 thông qua phương án phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ dự kiến thêm 39.995.430.000 VND;
- Nghị quyết số 25/NQ-NCS-HĐQT ngày 26/12/2016 của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài về việc kết thúc đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 21/BC-NCS ngày 26/12/2016 của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Công văn số 8591/UBCK-QLCB ngày 28/12/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc đã nhận tài liệu Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài và thông tin số lượng cổ phiếu chào bán thành công là 3.980.359 cổ phiếu.

Theo đó, tổng số tiền thu từ các cổ đông hiện hữu là 39.803.590.000 VND. Mục đích của việc phát hành cổ phiếu này để phục vụ gói thầu "Xây dựng giai đoạn 1" của giai đoạn 1 dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài". Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, do chưa đến hạn thanh toán nên số tiền trên sẽ được giải ngân trong năm 2017 theo đúng tiến độ triển khai dự án.

(ii): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2016, Công ty thực hiện thanh toán phần cổ tức năm 2015 còn lại cho các cổ đông với số tiền là 38.576.638.800 VND và thực hiện điều chỉnh trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành và thưởng hoàn thành kế hoạch năm 2015.

(iii): Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20/NQ-NCS-HĐQT ngày 25/10/2016, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2016 theo tỷ lệ 30%/cổ phiếu tương ứng 23.997.261.000 VND (01 cổ phiếu nhận được 3.000 VND). Ngày 05 tháng 12 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc cổ tức cho các Cổ đông.

(iv): Trong năm, Công ty thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành. Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.13 "Quỹ khen thưởng, phúc lợi".

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
 huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.14 Vốn chủ sở hữu (tiếp)****4.14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận ĐKDN		Số vốn đã góp			
			Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND	%	VND	%	VND	%
Cổ đông sáng lập	57.363.220.000	71,70	86.044.820.000	71,82	57.363.220.000	71,70
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	48.002.700.000	60,00	72.004.050.000	60,10	48.002.700.000	60,00
Công ty TNHH MTV DV HK SB Tân Sơn Nhất	8.000.450.000	10,00	12.000.670.000	10,02	8.000.450.000	10,00
Công ty TNHH MTV Suất ăn HK Việt Nam	1.360.070.000	1,70	2.040.100.000	1,70	1.360.070.000	1,70
Các cổ đông khác	22.636.780.000	28,30	33.749.640.000	28,17	22.627.650.000	28,28
Các cổ đông khác	22.636.780.000	28,30	33.749.640.000	28,17	22.627.650.000	28,28
Cổ phiếu quỹ	-	-	8.880.000	0,01	8.880.000	0,01
Cộng	80.000.000.000	100	119.803.340.000	100	79.999.750.000	100

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với số vốn góp mới của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.14 Vốn chủ sở hữu (tiếp)****4.14.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2016 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.518	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.980.334	7.999.975
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.980.334	7.999.975
Số lượng cổ phiếu được mua lại	888	888
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	888	888
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.979.446	7.999.087
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.979.446	7.999.087
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.14.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	67.631.679.421	60.733.346.142
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(7.327.245.992)	(5.754.256.565)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	8.064.339	7.957.993
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	7.478	6.909

4.15 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	2.486,47	1.179,89

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cung cấp suất ăn	421.329.916.491	374.166.149.869
Doanh thu cung cấp dịch vụ	122.710.482.641	100.240.805.010
Doanh thu khác	1.952.727.276	1.952.727.276
Cộng	545.993.126.408	476.359.682.155

5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chiết khấu thương mại	13.011.741.049	9.966.801.298
Cộng	13.011.741.049	9.966.801.298

5.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn cung cấp suất ăn	365.004.511.780	308.788.984.971
Giá vốn cung cấp dịch vụ	60.848.559.367	64.053.874.400
Cộng	425.853.071.147	372.842.859.371

5.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.686.360.838	1.434.809.478
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.165.257.461	1.476.815.874
Cộng	2.851.618.299	2.911.625.352

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẺN HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**5.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí in các ấn phẩm quảng cáo	3.000.000	3.636.364
Chi phí chăm sóc khách hàng, xúc tiến thương mại	4.197.611.580	2.430.653.867
Chi nguyên vật liệu chế thử, định mức, chào hàng	479.703.909	787.983.204
Chi phí hội nghị khách hàng	-	225.422.727
Phí nhượng quyền khai thác	1.423.900.000	761.850.000
Cộng	6.104.215.489	4.209.546.162

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.829.977.284	7.780.065.628
Chi phí vật liệu văn phòng	287.672.000	151.985.600
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	197.905.584	104.003.606
Chi phí khấu hao tài sản	2.857.700.924	2.940.622.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.044.209	208.280.939
Chi phí khác bằng tiền	6.974.796.573	5.790.402.053
<i>Trong đó:</i>		
- Chi trang phục	458.625.454	553.090.848
- Chi công tác phí	1.564.032.164	692.004.812
- Chi phí tiếp khách, hội họp	2.181.831.684	2.242.016.762
- Chi phí bằng tiền khác	2.770.307.271	2.303.289.631
Cộng	19.384.096.574	16.975.360.658

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	84.655.601.776	78.041.704.285
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	464.010.000	632.650.909
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	<i>464.010.000</i>	<i>632.650.909</i>
Chi phí không được khấu trừ (không hợp lệ)	464.010.000	632.650.909
Lợi nhuận sau điều chỉnh	85.119.611.776	78.674.355.194
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	85.119.611.776	78.674.355.194
Thuế suất (%)	20%	22%
Thuế TNDN ước tính trong năm	17.023.922.355	17.308.358.143
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	17.023.922.355	17.308.358.143
Thuế TNDN phải trả đầu năm	6.450.320.388	2.366.593.199
Thuế TNDN đã trả trong năm	(20.086.142.059)	(13.224.630.954)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	3.388.100.684	6.450.320.388
5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân công	113.128.679.555	91.506.853.310
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	247.621.007.059	220.899.134.184
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.974.882.808	10.973.540.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.553.196.016	33.932.158.628
Chi phí khác bằng tiền	44.335.526.905	36.680.579.741
Cộng	451.613.292.343	393.992.266.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Công cụ tài chính

6.1.1 Các loại công cụ tài chính

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.008.370.799	72.983.871.210
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.383.721.665	69.509.808.237
Cộng	148.392.092.464	142.493.679.447
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	26.065.226.734	28.050.884.795
Chi phí phải trả	480.803.162	695.310.000
Cộng	26.546.029.896	28.746.194.795

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Công cụ tài chính (tiếp)

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty – VND.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ. Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Tài sản tài chính	USD		
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	2,486.47	1,179.89
Phải thu khách hàng và phải thu khác	USD	1,103,522.07	900,655.25
Tài sản tài chính thuần	USD	1,106,008.54	901,835.14

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu các rủi ro về thay đổi tỷ giá đối với loại ngoại tệ USD.

Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Tăng/(giảm) tỷ giá (%)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế	
		Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
USD	10%	2.512.851.403	2.048.969.438

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền có kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Công cụ tài chính (tiếp)

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty mua nguyên vật liệu chủ yếu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không nắm giữ các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết, do đó Công ty không bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Công cụ tài chính (tiếp)

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

Rủi ro thanh khoản (tiếp)

	Tại ngày 31/12/2016		Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	26.065.226.734	-	25.955.279.932
Chi phí phải trả	480.803.162	-	480.803.162
Cộng	26.546.029.896	-	26.436.083.094
	Tại ngày 01/01/2016		Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	28.050.884.795	-	28.050.884.795
Chi phí phải trả	695.310.000	-	695.310.000
Cộng	28.746.194.795	-	28.746.194.795

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam CTCP – Công ty mẹ (VNA) và các công ty trong cùng VNA, các cổ đông, các thành viên trong Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	322.809.234.410	290.479.175.072
<i>Trong đó chiết khấu</i>	<i>(11.199.860.503)</i>	<i>(9.867.839.996)</i>
Chi nhánh Công ty CP HK Jetstar Pacific Airlines	3.620.154.772	1.429.233.021
<i>Trong đó chiết khấu</i>	<i>(121.423.519)</i>	-
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	1.198.250.000	3.071.818.184
Công ty Bay Dịch vụ Hàng không - VASCO	2.022.913.370	-
Cộng	318.329.268.530	285.112.386.281

Mua hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	2.857.257.204	3.648.872.295
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	39.544.025	139.114.175
Công ty Nhựa Cao cấp Hàng không	848.636.910	557.200.193
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO	1.676.443.946	-
Cộng	5.421.882.085	4.345.186.663

Nghiệp vụ khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	39.544.025	158.602.667
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	4.211.908.210	3.648.872.295

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.034.724.442	1.839.209.869
Thù lao của HĐQT, BKS	604.800.000	561.050.000
Cộng	2.639.524.442	2.400.259.869

Giao dịch chi trả cổ tức và tặng vốn

Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.14 "Vốn chủ sở hữu".

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 4.2 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng";
- Thuyết minh số 4.3 "Trả trước cho người bán ngắn hạn";
- Thuyết minh số 4.10 "Phải trả người bán ngắn hạn".

6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL (nay là Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam).



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 02 năm 2017

Phạm Ngọc Long
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà
Người lập

